

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế;

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: TRẦN MAI ĐÔNG

2. Ngày tháng năm sinh: 06/9/1976; Nam ☒ ☐ ; Nữ ☐ Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Mỹ Quới, Thị xã Ngã Năm, Tỉnh Sóc Trăng

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 90/1 Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Trần Mai Đông, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 59C Nguyễn Đình Chiểu, P6, Q3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng: Không có;

Điện thoại di động: 0903969393

E-mail: tmdong@ueh.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 2000 đến nay: Giảng viên, Trường Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh, 59C Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

- Từ năm 2012 đến năm 2015: Phó Trưởng phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 59C Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.



- Từ năm 2015 đến năm 2016: Phó Trưởng Phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế, kiêm Viện trưởng Viện ngôn ngữ và quốc tế học, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 59C Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

- Từ năm 2016 đến năm 2018: Trưởng Phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế, kiêm Viện trưởng Viện ngôn ngữ và quốc tế học, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 59C Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

- Từ năm 2018 đến nay: Trưởng Phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 59C Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế kiêm Viện trưởng Viện ngôn ngữ và quốc tế học

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: 59C Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: (028).38.274.991

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): .....

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ..... năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 13 tháng 8 năm 1999, ngành: Kinh doanh, chuyên ngành: Marketing

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Queensland University of Technology, Australia

- Được cấp bằng ThS ngày 30 tháng 8 năm 2003, ngành: Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành: Thương mại quốc tế

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Woosong University, Hàn Quốc

- Được cấp bằng TS ngày 25 tháng 9 năm 2014, ngành: Kinh doanh, chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): University of Western Sydney, Australia

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng .... năm..., ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế



13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Marketing (Marketing xanh)
- Giáo dục (Quốc tế hoá, Quản trị đại học)
- Quản trị Kinh doanh (Lãnh đạo)

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 00 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 09 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành 01 đề tài NCKH cấp Nhà nước (thành viên chính); 01 đề tài nhánh thuộc đề tài cấp quốc gia thuộc Chương trình KH&CN cấp quốc gia (tương đương cấp Bộ - Chủ nhiệm); 02 đề tài NCKH cấp cơ sở (Chủ nhiệm) và 01 đề tài cấp quốc gia thuộc Chương trình KH&CN cấp quốc gia (đang thực hiện, thành viên chính);
- Đã công bố 50 bài báo KH, trong đó 06 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp 00 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản là 05, trong đó có 05 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 00.

15. Khen thưởng

| Hình thức khen thưởng                                   | Số quyết định                                                                                                                 | Ngày ký              |
|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2017 | Quyết định số 753/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo - Thứ trưởng Nguyễn Thị Nghĩa ký tặng                         | 13 tháng 3 năm 2017  |
| Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2018 | Quyết định số 4753/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo - Thứ trưởng Nguyễn Thị Nghĩa ký tặng                        | 02 tháng 11 năm 2018 |
| Danh hiệu Cán bộ quản lý xuất sắc năm 2018              | Quyết định số 573/QĐ-ĐHKT-NHSU của Trường Đại học Kinh tế TP.HCM do Hiệu trưởng Nguyễn Đông Phong ký và đóng dấu              | 01 tháng 4 năm 2019  |
| Danh hiệu Cán bộ quản lý xuất sắc năm 2019              | Quyết định số 675/QĐ-ĐHKT-NHSU của Trường Đại học Kinh tế TP.HCM do Hiệu trưởng Nguyễn Đông Phong ký công nhận ký và đóng dấu | 02 tháng 3 năm 2020  |

\* Ngoài ra, từ năm 2004 đến năm 2019, liên tục đạt danh hiệu lao động tiên tiến/chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có.



## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

### 1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

· **Có năng lực giảng dạy:** Là giảng viên thuộc Khoa Kinh doanh quốc tế - Marketing đồng thời kiêm nhiệm vai trò quản lý tại Phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế, tôi luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và đào tạo. Thường xuyên tham gia giảng dạy tại Viện Đào tạo quốc tế, trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh). Tôi luôn chủ động tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, mục tiêu lấy người học làm trung tâm. Sinh viên luôn có những phản hồi tích cực sau khi tham gia các lớp học do tôi giảng dạy.

· **Có năng lực và chủ động trong nghiên cứu khoa học:** Tôi luôn chú trọng và dành nhiều thời gian cho nghiên cứu khoa học; hoàn thành tốt các đề tài KH&CN các cấp từ quốc gia đến cơ sở; luôn chủ động tìm tòi, theo đuổi các hướng nghiên cứu mới. Cụ thể đến nay, tôi đã cùng với các cộng sự nghiên cứu và hoàn thành tổng cộng 50 công trình được đăng tải trên các ấn phẩm quốc gia và quốc tế trong đó có: 06 bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín ISI và Scopus; đã tham gia hoàn thành 01 đề tài NCKH cấp Nhà nước (thành viên chính); 01 đề tài nhánh thuộc đề tài cấp quốc gia thuộc Chương trình KH&CN cấp quốc gia (tương đương cấp Bộ - Chủ nhiệm); 02 đề tài NCKH cấp cơ sở (Chủ nhiệm) và 01 đề tài cấp quốc gia thuộc Chương trình KH&CN cấp quốc gia (đang thực hiện, thành viên chính). Về công tác biên soạn và viết sách phục vụ giảng dạy, tôi là đồng chủ biên của 01 cuốn sách giáo trình và tham gia biên soạn 04 cuốn sách chuyên khảo/chương sách trong đó có 02 cuốn thuộc nhà xuất bản uy tín trên thế giới (Palgrave Macmillan và University of Applied Sciences, Osnabruck). Hàng năm, số giờ nghiên cứu khoa học của tôi luôn đạt và vượt định mức theo quy định. Tôi thường xuyên khuyến khích và phát huy năng lực nghiên cứu và tinh thần yêu khoa học của các em sinh viên và bản thân luôn tham gia nhiệt tình vào công tác hướng dẫn sinh viên, học viên, NCS trong nghiên cứu khoa học.

· **Có khả năng quản lý, định hướng nghiên cứu, đào tạo, giảng dạy, xây dựng chương trình đào tạo:** Bên cạnh công tác giảng dạy, tôi còn được phân công công tác quản lý tại phòng Quản lý khoa học – Hợp tác quốc tế, tôi có cơ hội được thể hiện vai trò kết nối với các nghiên cứu viên, nhóm nghiên cứu khác trong và ngoài nước thông qua việc tham gia tổ chức các hội thảo quốc tế lớn được tổ chức trong năm 2019 là “The 31<sup>st</sup> Asian Finance Association Annual Conference” và “International Conference on Business and Finance 2019” và tham gia các chương trình hợp tác quốc tế với các tổ chức nghề nghiệp quốc tế (CFA, CPA,...). Tôi cũng được mời tham gia phản biện (reviewer) cho nhiều tạp chí uy tín trên thế giới như Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics, Australasian Marketing Journal (AMJ), Journal of Asian Business and Economic Studies (thuộc nhà xuất bản Emerald) cũng như tham gia với vai trò là chủ tọa đàm (chair session) cho hội thảo quốc tế “International Conference on Business and Finance 2019”. Ngoài ra, tôi cũng tham gia đóng góp ý kiến xây dựng và phát triển, rà soát chương trình đào tạo. Cụ thể là tham gia xây dựng và phát triển chương trình đào tạo Thạc sỹ Kinh tế và Quản trị sức khỏe cũng như các chương trình liên kết quốc tế tại UEH.

· **Phẩm chất đạo đức:** Tôi luôn giữ gìn các phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng người học và đối xử công bằng, luôn bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của sinh viên. Là một đảng viên, tôi tuyệt đối trung thành với lý tưởng của Đảng Cộng sản và tư tưởng Hồ Chí Minh, chấp hành tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.



Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

· **Sức khỏe:** Tôi có sức khỏe tốt, đáp ứng các yêu cầu của công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động, nhiệm vụ được giao.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (\*):

- Tổng số 20 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

| TT             | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức |
|----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-----|---------------------------------------------------------|
|                |           | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                        | SĐH |                                                         |
| 1              | 2014-2015 | 0                         | 0   | 0                                  | 0                                       | 180                                       | 0   | 180/180/84                                              |
| 2              | 2015-2016 | 0                         | 0   | 01                                 | 0                                       | 120                                       | 0   | 120/140/81                                              |
| 3              | 2016-2017 | 0                         | 0   | 03                                 | 0                                       | 120                                       | 0   | 120/180/67,5                                            |
| 3 năm học cuối |           |                           |     |                                    |                                         |                                           |     |                                                         |
| 4              | 2017-2018 | 02                        | 0   | 02                                 | 0                                       | 135                                       | 0   | 135/241/67,5                                            |
| 5              | 2018-2019 | 02                        | 0   | 03                                 | 0                                       | 90                                        | 0   | 90/216/67,5                                             |
| 6              | 2019-2020 | 02                        | 0   | 0                                  | 0                                       | 90                                        | 0   | 90/156/67,5                                             |

(Toàn bộ số liệu trong bảng trên đã được tất cả các bộ phận có liên quan thuộc Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh xác nhận)

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☒ ; Tại nước: Úc ; Từ năm 1996 đến năm 1999

- Học Cao học ☒; Tại nước: Hàn Quốc; Từ năm 2001 đến năm 2003, đào tạo bằng tiếng Anh

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ Tại nước: Hàn Quốc năm 2003

- Học Tiến sỹ ☒; Tại nước: Úc; Từ năm 2010 đến năm 2014

- Bảo vệ luận án TS ☒ Tại nước: Úc năm 2014

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐



- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: .....số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Viện Đào tạo quốc tế, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ tốt nghiệp về giảng dạy đại học bằng tiếng Anh (English as a Medium of Instruction – EMI) do Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp theo chương trình EMI của Cambridge.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| T<br>T | Họ tên<br>NCS hoặc<br>HVCH/C<br>K2/BSNT | Đối tượng |                       | Trách nhiệm<br>hướng dẫn |     | Thời<br>gian<br>hướng<br>dẫn từ<br>...<br>đến ... | Cơ sở<br>đào tạo                       | Ngày, tháng,<br>năm được<br>cấp bằng/có<br>quyết định<br>cấp bằng                   |
|--------|-----------------------------------------|-----------|-----------------------|--------------------------|-----|---------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|        |                                         | NCS       | HVCH<br>/CK2/<br>BSNT | Chính                    | Phụ |                                                   |                                        |                                                                                     |
| 1      | Võ Sỹ<br>Nguyên                         |           | HVCH                  | X                        |     | 2015-<br>2016                                     | CFVG-<br>HCM                           | Ngày cấp bằng<br>15/4/2016, số<br>vào sổ cấp<br>bằng<br>HCM61/K20A                  |
| 2      | Nguyễn<br>Ngọc Minh<br>Trang            |           | HVCH                  | X                        |     | 2017-<br>2018                                     | Trường<br>Đại học<br>Kinh tế<br>TP.HCM | Số hiệu<br>003459, ngày<br>cấp bằng<br>22/3/2018, số<br>vào sổ cấp<br>bằng 301/2018 |
| 3      | Hoàng Thị<br>Kim Quy                    |           | HVCH                  | X                        |     | 2017-<br>2018                                     | Trường<br>Đại học<br>Kinh tế<br>TP.HCM | Số hiệu<br>003423, ngày<br>cấp bằng<br>22/3/2018, số<br>vào sổ cấp<br>bằng 265/2018 |
| 4      | Lê Thị Thu<br>Thảo                      |           | HVCH                  | X                        |     | 2017-<br>2018                                     | Trường<br>Đại học<br>Kinh tế<br>TP.HCM | Số hiệu<br>004534, ngày<br>cấp bằng<br>10/01/2019, số                               |



|   |                            |  |      |   |  |               |                                        |                                                                                      |
|---|----------------------------|--|------|---|--|---------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                            |  |      |   |  |               |                                        | vào sổ cấp<br>bằng 276/2019                                                          |
| 5 | Nguyễn<br>Vũ Thùy<br>Trang |  | HVCH | X |  | 2018          | CFVG-<br>HCM                           | Ngày cấp bằng<br>05/9/2018, số<br>vào sổ cấp<br>bằng<br>HCM29/K24A                   |
| 6 | Nguyễn<br>Thị Mỹ<br>Hạnh   |  | HVCH | X |  | 2018          | CFVG-<br>HCM                           | Ngày cấp bằng<br>05/9/2018, số<br>vào sổ cấp<br>bằng<br>HCM59/K22A                   |
| 7 | Đặng Bảo<br>Long           |  | HVCH | X |  | 2018-<br>2019 | CFVG-<br>HCM                           | Ngày cấp bằng<br>12/6/2019, số<br>vào sổ cấp<br>bằng<br>HCM03/K25A                   |
| 8 | Tạ Thùy<br>Dương           |  | HVCH | X |  | 2018-<br>2019 | CFVG-<br>HCM                           | Ngày cấp bằng<br>12/6/2019, số<br>vào sổ cấp<br>bằng<br>HCM58/K23A                   |
| 9 | Ngô<br>Quỳnh<br>Phương     |  | HVCH | X |  | 2018-<br>2019 | Trường<br>Đại học<br>Kinh tế<br>TP.HCM | Số hiệu<br>005245, ngày<br>cấp bằng<br>28/11/2019, số<br>vào sổ cấp<br>bằng 894/2019 |

(Toàn bộ thông tin trong bảng trên đã được Trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh xác nhận)

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

| TT | Tên sách | Loại<br>sách<br>(CK,<br>GT,<br>TK,<br>HD) | Nhà xuất bản<br>và năm xuất<br>bản | Số<br>tác<br>giả | Chủ<br>biên | Phân<br>biên<br>soạn<br>(từ<br>trang<br>... đến<br>trang) | Xác nhận<br>của cơ sở<br>GDĐH (số<br>văn bản xác<br>nhận sử<br>dụng sách) |
|----|----------|-------------------------------------------|------------------------------------|------------------|-------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
|----|----------|-------------------------------------------|------------------------------------|------------------|-------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|



| Trước khi bảo vệ luận án TS |                                                                                                                                                                                                                                                                       |    |                                                                                                                                                                                 |   |  |         |                                                                                             |
|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                           | Chương sách “A multi-stakeholder approach to the perception of business leadership in Vietnam” trong cuốn sách chuyên khảo “Doctoral Colloquium – Research proposal DBA I”                                                                                            | CK | Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2011<br>(Số đăng ký 1111-2011/CXB/05-960/KH-ĐHKT-NXB. QĐ số 03/QĐ-NXBKT TPHCM cấp ngày 07/11/2011. In và nộp lưu chiểu tháng 11 năm 2011) | 1 |  | 55-88   | Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách cho Viện Đào tạo quốc tế (ISB) thuộc UEH ngày 14/5/2020 |
| Sau khi bảo vệ luận án TS   |                                                                                                                                                                                                                                                                       |    |                                                                                                                                                                                 |   |  |         |                                                                                             |
| 2                           | Chương sách “Internationalising the Curriculum: the Implementation Experience at the University of Economics Ho Chi Minh City” trong cuốn sách chuyên khảo “Managing Change at Universities - A selection of case studies from Africa and Southeast Asia – Volume II” | CK | Nhà xuất bản University of Applied Sciences, Osnabruck, 2015 (ISBN: 978-3-934394-97-1)                                                                                          | 4 |  | 207-219 | Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách cho Viện Đào tạo quốc tế (ISB) thuộc UEH ngày 18/6/2020 |
| 3                           | Chương sách “Leadership in the transition from a socialist to a market economy: multi-stakeholder perceptions of business leadership in Vietnam” trong                                                                                                                | CK | Nhà xuất bản Palgrave Macmillan, 2017 (ISBN: 978-1-137-57938-6, eISBN: 978-1-137-57940-9)                                                                                       | 3 |  | 445-459 | Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách cho Viện Đào tạo quốc tế (ISB) thuộc UEH ngày 18/6/2020 |



|   |                                                                                         |    |                                                                      |    |   |                 |                                                                                        |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------------------------------------------------------|----|---|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
|   | cuốn sách chuyên khảo "The Palgrave Handbook of Leadership in Transforming Asia"        |    |                                                                      |    |   |                 |                                                                                        |
| 4 | Mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam | CK | Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2019 (ISBN: 978-604-922-748-6) | 13 |   | 149-182         | Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách cho Viện Đổi mới sáng tạo thuộc UEH ngày 10/6/2020 |
| 5 | Phương pháp nghiên cứu định tính: Lý luận & Thực hành                                   | GT | Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2020 (ISBN: 978-604-922-851-3) | 2  | X | 88-141, 185-209 | Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách cho Viện Sau Đại học thuộc UEH ngày 10/6/2020      |

(Toàn bộ thông tin trong bảng trên đã được Trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh xác nhận)

Trong đó có 03 (ba) sách chuyên khảo (STT 2, 3, 4) do nhà xuất bản có uy tín xuất bản sau TS và có 02 (hai) chương sách (STT 2 và 3) do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau TS.

**Lưu ý:**

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu**

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...) | CN/PC<br>N/TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|----|------------------------------------------------|---------------|----------------------|---------------------|-----------------------------------------------------|
|----|------------------------------------------------|---------------|----------------------|---------------------|-----------------------------------------------------|



| Sau khi bảo vệ luận án TS    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                  |                                                                  |           |                                                                                                                                                           |
|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                            | <p>ĐT cấp cơ sở</p> <p>Perceptions on leadership in Vietnamese state owned enterprises</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | CN               | <p>CS-2015-110</p> <p>Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh</p> | 2015-2016 | <p>QĐ số 3429/QĐ-ĐHKT-QLKH ngày 22/9/2016</p> <p><b>Xuất sắc</b></p>                                                                                      |
| 2                            | <p>ĐT cấp cơ sở</p> <p>Exploring consumer perception of green innovations' consumption values and costs in an emerging economy</p>                                                                                                                                                                                                                                                                               | CN               | <p>Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh</p>                    | 2015-2019 | <p>Biên bản thanh lý hợp đồng số 8/TLHĐ-ĐHKT-QLKH ngày 27/02/2019</p> <p><b>Đạt</b></p> <p><i>Có bài báo quốc tế, được miễn bảo vệ trước Hội đồng</i></p> |
| 3                            | <p>ĐT nhánh thuộc Chương trình KH&amp;CN cấp quốc gia (tương đương cấp Bộ)</p> <p>Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đẩy mạnh quốc tế hóa giáo dục đại học Việt Nam – đề tài nhánh đề tài cấp Quốc gia mã số KHGD/16-20.ĐT.018 thuộc chương trình KH&amp;CN cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020</p> <p>“Nghiên cứu phát triển khoa học giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam”</p> | CN               | <p>KHGD/16-20.ĐT.018</p> <p>Bộ Giáo dục và Đào tạo</p>           | 2017-2019 | <p>QĐ số 2243/QĐ-ĐHKT-QLKH ngày 29/8/2019</p> <p><b>Đạt</b></p>                                                                                           |
| 4                            | <p>ĐT cấp Nhà nước</p> <p>Nghiên cứu mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Innovation) của Việt Nam thời kỳ đến năm 2030 – Cấp Nhà nước</p>                                                                                                                                                                                                                              | Thành viên chính | <p>KX.01/16-20</p> <p>Bộ Khoa học Công nghệ</p>                  | 2017-2019 | <p>QĐ số 3827/QĐ-BKHCN ngày 19/12/2019</p> <p><b>Đạt</b></p>                                                                                              |
| <b>Đề tài đang thực hiện</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                  |                                                                  |           |                                                                                                                                                           |



|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                  |                                             |           |                                  |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------|-----------|----------------------------------|
| 5 | ĐT cấp Quốc gia<br>Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đẩy mạnh quốc tế hóa giáo dục đại học Việt Nam – cấp Quốc gia, thuộc chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020 “Nghiên cứu phát triển khoa học giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam” | Thành viên chính | KHGD/16-20.ĐT.018<br>Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2017-2020 | Dự kiến nghiệm thu tháng 11/2020 |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------|-----------|----------------------------------|

(Toàn bộ thông tin trong bảng trên đã được Trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh xác nhận)

**Lưu ý:**

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

| TT                          | Tên bài báo/báo cáo KH                                                         | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                                                  | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang                    | Năm công bố |
|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------|-------------|
| Trước khi bảo vệ luận án TS |                                                                                |            |                  |                                                                                                                  |                                                   |                                            |                                   |             |
| 1                           | Nghiên cứu quy mô thị trường thanh toán thương mại điện tử Việt Nam            | 2          | X                | Tạp chí phát triển kinh tế (ISSN: 1859-1116)                                                                     |                                                   |                                            | Số 210, tháng 4-2008, trang 53-57 | 2008        |
| Sau khi bảo vệ luận án TS   |                                                                                |            |                  |                                                                                                                  |                                                   |                                            |                                   |             |
| 2                           | Chiến lược Marketing xanh: Mô hình phân tích tổng thể về nguồn lực và hiệu quả | 3          |                  | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Tăng trưởng xanh trong thời kỳ toàn cầu hóa” do trường Đại học Kinh tế TP. Hồ |                                                   |                                            | 219-231                           | 2013        |



|   |                                                                                                                     |   |   |                                                                                                                                                                                                                 |                         |    |                      |      |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----|----------------------|------|
|   |                                                                                                                     |   |   | Chí Minh tổ chức<br>(ISBN: 978-604-922-020-3)                                                                                                                                                                   |                         |    |                      |      |
| 3 | Quốc tế hóa giáo dục đại học và triển vọng tương lai: Bối cảnh của Việt Nam                                         | 3 |   | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Việt Nam trong cộng đồng kinh tế ASEAN từ năm 2015” do trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tổ chức (ISBN: 978-604-922-101-9)                                              |                         |    | 250-267              | 2014 |
| 4 | Strategies and Challenges of Internationalization in Higher Education: Perspectives from Higher Level Leaders       | 3 |   | Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Internationalization and Inclusivity of higher education in South East Asia: Perspectives, Practices and Pragmatics” do trường Đại học Ngoại thương tổ chức (ISBN: 978-604-59-4639-8 ) |                         |    | 418-428              | 2015 |
| 5 | Internationalizing Higher Education (HE) in Vietnam                                                                 | 4 |   | Education and Training (ISSN: 0040-0912)                                                                                                                                                                        | ISI (SSCI), Scopus (Q1) | 20 | 58(2), trang 193-208 | 2016 |
| 6 | Leadership in Vietnamese state owned enterprises (SOEs) exploring multi-stakeholder perceptions—a qualitative study | 3 | X | Asia-Pacific Journal of Business Administration (ISSN: 1757-4331)                                                                                                                                               | ISI, Scopus (Q2)        | 9  | 8(1), trang 21-36    | 2016 |



|   |                                                                                                                                                                                                                                         |   |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |    |                      |      |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----|----------------------|------|
| 7 | Dual Personal Culture Values, Dual Attitudes Towards Purchase Consequences, and Green Consumption Commitment: Evidence from Vietnam (An Extended Abstract) trong cuốn “Marketing at the Confluence between Entertainment and Analytics” | 4 |  | Kỷ yếu hội thảo quốc tế “The 2016 Academy of Marketing Science (AMS) World Marketing Congress” của nhà xuất bản Springer (Online ISBN: 978-3-319-47331-4)                                                                                                                                                                                                               |                    |    | 1253-1258            | 2017 |
| 8 | Vai trò của giáo dục đại học đối với đổi mới sáng tạo và phát triển khoa học - công nghệ ở Việt Nam                                                                                                                                     | 3 |  | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (STI)” thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia “Nghiên cứu những vấn đề trọng yếu về khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội” do Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tổ chức (ISBN: 778-604-922-616-8 ) |                    |    | 211- 230             | 2017 |
| 9 | Understanding green purchase behavior through death                                                                                                                                                                                     | 5 |  | Journal of Consumer                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | ISI (SSCI) IF=1,58 | 11 | 17(5), trang 477-490 | 2018 |



|    |                                                                                                                                                                |   |  |                                                                                                                                                                 |                                 |   |                      |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---|----------------------|------|
|    | anxiety and individual social responsibility: Mastery as a moderator                                                                                           |   |  | Behavior (ISSN: 1472-0817)                                                                                                                                      | Scopus (Q2)                     |   |                      |      |
| 10 | The exercise of Power Sources in Distribution Channels: A Synthesis Study                                                                                      | 3 |  | Journal of Empirical Generalisations in Marketing Science (ISSN: 1326-4443)                                                                                     | Scopus (Q4)                     | 1 | 18(1), trang 1-11    | 2018 |
| 11 | Heterogeneity in a dual personal values–dual purchase consequences–green consumption commitment framework                                                      | 4 |  | Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics (ISSN: 1355-5855 , eISSN: 1758-4248)                                                                            | ISI (SSCI) IF=1,276 Scopus (Q2) | 4 | 31(2), trang 480-498 | 2019 |
| 12 | Developing social innovation alliances: An empirical study                                                                                                     | 5 |  | ANZMAC 2019 Conference Proceeding, New Zealand (ISSN: 1447-3275)                                                                                                |                                 |   | 85-88                | 2019 |
| 13 | Exploring the impact of self-construal on the perceived values of the post purchased product customization: the context of motorcycle customization in Vietnam | 2 |  | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế “International Conference on Business and Finance” do trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tổ chức (ISBN: 978-604-922-764-6) |                                 |   | 778-805              | 2019 |



|    |                                                                                                                                                         |   |  |                                                                                                                                                                 |  |  |          |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|----------|------|
| 14 | How does Authentic Leadership Influence Employee-Organization Relationship? The Mediating Role of Symmetrical Internal Communication                    | 3 |  | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế “International Conference on Business and Finance” do trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tổ chức (ISBN: 978-604-922-764-6) |  |  | 76-88    | 2019 |
| 15 | Using QS Rankings to Drive Internal Quality Improvement in Higher Education Institutions: The Case of University of Economics Ho Chi Minh City, Vietnam | 3 |  | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế “ASEAN-Quality Assurance Forum Conference Proceeding”                                                                          |  |  | 1-19     | 2019 |
| 16 | Change In University Governance: Insights From Higher Level Leaders of Autonomous Higher Education Institutions In Vietnam - An Exploratory Study       | 3 |  | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế “The 31st Asian Finance Association Conference Proceeding”                                                                     |  |  |          | 2019 |
| 17 | Thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực thông qua đẩy mạnh chương trình hợp tác quốc tế                                                                      | 3 |  | Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Đào tạo nhân lực trình độ quốc tế ở Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2030” do Ủy ban                                              |  |  | 113- 120 | 2019 |



|    |                                                                                                                                  |   |   |                                                     |                  |  |                                          |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------------------------------|------------------|--|------------------------------------------|------|
|    | giữa các cơ sở giáo dục đại học                                                                                                  |   |   | Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức              |                  |  |                                          |      |
| 18 | The impact of passion on Sales performance: Is Negotiation a missing link?                                                       | 2 | X | Australasian Marketing Journal (ISSN: 1441-3582)    | ISI, Scopus (Q2) |  | Đã được chấp nhận và đang xuất bản.      | 2020 |
| 19 | Bàn về kinh nghiệm áp dụng bảng điểm khu vực công PSS tại một số quốc gia trong việc đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức công | 3 |   | Tạp chí Công thương (ISSN: 0866-7756)               |                  |  | Số 3 - Tháng 2/2020, trang 272-277       | 2020 |
| 20 | Vai trò lãnh đạo chuyển đổi và hệ thống của các doanh nghiệp                                                                     | 2 |   | Tạp chí Tài chính (ISSN: 2615-8973)                 |                  |  | Kỳ 2 - Tháng 3/2020 (725), trang 102-104 | 2020 |
| 21 | Differences between quantitative and qualitative research methods: Using qualitative research method to study the leadership     | 1 | X | Vietnam Trade and Industry Review (ISSN: 0866-7756) |                  |  | Số 9 – Tháng 5/2020, trang 245-251       | 2020 |
| 22 | Áp dụng kế toán quản trị trong doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam                                                              | 1 | X | Tạp chí Tài chính (ISSN: 2615-8973)                 |                  |  | Kỳ 2 - Tháng 3/2020 (725), trang 75-78   | 2020 |



|    |                                                                                                       |   |   |                                                         |  |  |                                          |      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---------------------------------------------------------|--|--|------------------------------------------|------|
| 23 | Đào tạo chuẩn mực kế toán công quốc tế trong trường đại học, đòi hỏi từ thực tiễn                     | 2 |   | Tạp chí Kế toán & Kiểm toán (ISSN: 1859-1914)           |  |  | Số tháng 4(199), trang 55-57 và 89       | 2020 |
| 24 | Mô hình khuôn khổ chi tiêu trung hạn và mối quan hệ với dự toán ngân sách trong kế toán công          | 2 |   | Tạp chí Tài chính (ISSN: 2615-8973)                     |  |  | Kỳ 1 - Tháng 4/2020 (726), trang 51-54   | 2020 |
| 25 | Quốc tế hóa và hoàn thiện chính sách cho tự chủ giáo dục đại học                                      | 1 | X | Tạp chí Công thương (ISSN: 0866-7756)                   |  |  | Số 4 - Tháng 3/2020, trang 193-198       | 2020 |
| 26 | Áp dụng kế toán chi phí dựa trên hoạt động vào các trường đại học công lập tự chủ tài chính           | 1 | X | Tạp chí Tài chính (ISSN: 2615-8973)                     |  |  | Kỳ 1 - Tháng 4/2020 (726), trang 124-127 | 2020 |
| 27 | Đời sống xã hội và dịch chuyển cơ cấu nguồn lao động dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 | 1 | X | Tạp chí Công thương (ISSN: 0866-7756)                   |  |  | Số 5 - Tháng 3/2020, trang 177-182       | 2020 |
| 28 | Thực tiễn về việc đào tạo ngành kế toán công tại một số quốc gia và bài học kinh nghiệm               | 2 |   | Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán (ISSN:1859 – 4093) |  |  | Số 05 (202) - 2020, trang 85-89          | 2020 |
| 29 | Chính sách đổi mới giáo dục của Trung Quốc phục vụ quá                                                | 2 |   | Tạp chí Tài chính (ISSN: 2615-8973)                     |  |  | Kỳ 1 - Tháng 4/2020 (726),               | 2020 |



|    |                                                                                                                                 |   |   |                                                |  |  |                                        |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|------------------------------------------------|--|--|----------------------------------------|------|
|    | trình phát triển kinh tế - xã hội                                                                                               |   |   |                                                |  |  | trang 189-192                          |      |
| 30 | Mô hình tích hợp lãnh đạo chuyển đổi và hệ thống thông tin kế toán quản trị nhằm nâng cao năng lực đổi mới                      | 2 |   | Tạp chí Công thương (ISSN: 0866-7756)          |  |  | Số 5 - Tháng 3/2020, trang 118-122     | 2020 |
| 31 | Ứng dụng công nghệ mở rộng UTAUT-2 cho thanh toán không dùng tiền mặt                                                           | 1 | X | Tạp chí Tài chính (ISSN: 2615-8973)            |  |  | Kỳ 2 - Tháng 4/2020 (727), trang 22-25 | 2020 |
| 32 | Áp dụng công nghệ tài chính vào hệ thống kế toán tại một số nước                                                                | 3 |   | Tạp chí Tài chính (ISSN: 2615-8973)            |  |  | Kỳ 2 - Tháng 4/2020 (727), trang 64-67 | 2020 |
| 33 | Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng công nghệ: Trường hợp hệ thống chiếu sáng thông minh                                    | 3 |   | Tạp chí Kinh tế & Phát triển (ISSN: 1859-0012) |  |  | Số 275, tháng 5/2020, trang 77-85      | 2020 |
| 34 | Quan điểm quốc tế hóa giáo dục đại học Việt Nam dựa trên kinh nghiệm quốc tế hóa giáo dục đại học của một số nước trên thế giới | 1 | X | Tạp chí Công thương (ISSN: 0866-7756)          |  |  | Số 6 - Tháng 4/2020, trang 169-173     | 2020 |



|    |                                                                                                                |   |   |                                              |  |  |                                          |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|----------------------------------------------|--|--|------------------------------------------|------|
| 35 | Vai trò của lãnh đạo trong việc tăng cường sự hữu hiệu của kiểm soát nội bộ và giá trị doanh nghiệp            | 2 |   | Tạp chí Tài chính (ISSN: 2615-8973)          |  |  | Kỳ 2 - Tháng 4/2020 (727), trang 74-77   | 2020 |
| 36 | Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua thu hút đầu tư xây dựng khu giáo dục quốc tế tại Việt Nam         | 1 | X | Tạp chí Công thương (ISSN: 0866-7756)        |  |  | Số 7 - Tháng 4/2020, trang 138-143       | 2020 |
| 37 | Đạo đức lãnh đạo và sự hữu hiệu của kiểm soát nội bộ                                                           | 3 |   | Tạp chí Tài chính (ISSN: 2615-8973)          |  |  | Kỳ 1 - Tháng 5/2020 (728), trang 128-130 | 2020 |
| 38 | Tác động của sự nhất quán lãnh đạo đối với sự hài lòng công việc trong tiến trình gia tăng hiệu suất công việc | 3 |   | Tạp chí Công thương (ISSN: 0866-7756)        |  |  | Số 8 - Tháng 4/2020, trang 229-233       | 2020 |
| 39 | Mô hình lập dự toán ngân sách trên cơ sở thành quả của đơn vị công và gợi ý cho công tác kế toán               | 3 |   | Tạp chí Tài chính (ISSN: 2615-8973)          |  |  | Kỳ 1 - Tháng 5/2020 (728), trang 143-146 | 2020 |
| 40 | Một số giải pháp nâng cao sự thỏa mãn công việc của nhân viên y tế: tại bệnh viện đa khoa Đồng Nai             | 2 |   | Tạp chí Khoa học Thương mại (ISSN 1859-3666) |  |  | Số 141, Tháng 5/2020, trang 49-54        | 2020 |



|    |                                                                                                                               |   |   |                                                            |  |  |                                          |      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|------------------------------------------------------------|--|--|------------------------------------------|------|
| 41 | Quá trình tiêu chuẩn hóa quốc tế đối với kế toán công                                                                         | 2 |   | Tạp chí Tài chính (ISSN: 2615-8973)                        |  |  | Kỳ 1 - Tháng 5/2020 (728), trang 162-164 | 2020 |
| 42 | Sự gương mẫu của lãnh đạo trong khu vực hành chính công                                                                       | 1 | X | Tạp chí Công thương (ISSN: 0866-7756)                      |  |  | Số 9 – Tháng 5/2020, trang 160-165       | 2020 |
| 43 | Đề xuất chính sách phát triển mô hình E-learning ở Việt Nam                                                                   | 2 |   | Tạp chí Tài chính (ISSN: 2615-8973)                        |  |  | Kỳ 2 - Tháng 5/2020 (729), trang 151-154 | 2020 |
| 44 | Ảnh hưởng của phong cách lãnh đạo đích thực đến chất lượng mối quan hệ giữa nhân viên và tổ chức                              | 3 |   | Tạp chí Công thương (ISSN: 0866-7756)                      |  |  | Số 10 - Tháng 5/2020, trang 200-204      | 2020 |
| 45 | Định hướng một số thay đổi trong kế toán công từ năm 2020 trên cơ sở Khung lý luận về Bộ tiêu chuẩn báo cáo bền vững toàn cầu | 2 |   | Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (ISSN: 0868-3808) |  |  | Số 567 – Tháng 6 năm 2020, trang 75-77   | 2020 |
| 46 | Tác động của sự im lặng đến cam kết tình cảm và ý định nghỉ việc của nhân viên                                                | 1 | X | Tạp chí Công thương (ISSN: 0866-7756)                      |  |  | Số 10 - Tháng 5/2020, trang 138-144      | 2020 |



|    |                                                                                           |   |  |                                                     |  |  |                                          |      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|-----------------------------------------------------|--|--|------------------------------------------|------|
| 47 | Vận dụng kế toán quản trị tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trên thế giới và hàm ý cho Việt Nam | 2 |  | Tạp chí Tài chính (ISSN: 2615-8973)                 |  |  | Kỳ 1 - tháng 6/2020 (730), trang 123-125 | 2020 |
| 48 | Understanding women leadership in Vietnamese collectivist culture                         | 2 |  | Vietnam Trade and Industry Review (ISSN: 0866-7756) |  |  | Số 12 - Tháng 5/2020, trang 228-234      | 2020 |
| 49 | Nguyên tắc hoạt động của kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp                              | 2 |  | Tạp chí Tài chính (ISSN: 2615-8973)                 |  |  | Kỳ 1 - tháng 6/2020 (730), trang 109-112 | 2020 |
| 50 | A qualitative perspective of online payment industry in Viet nam                          | 1 |  | Review of Finance (ISSN: 2615-8981)                 |  |  | Vol. 3, Issue 2, 2020, pp. 15-18         | 2020 |

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 02 bài báo.

**Lưu ý:** Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

## 7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| T<br>T | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích                                                      | Tên cơ quan cấp                        | Ngày tháng năm cấp                            | Tác giả chính/<br>đồng tác giả | Số tác giả |
|--------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------|------------|
| 1      | Sáng kiến cấp cơ sở giáo dục đại học năm 2019: Chỉ tiêu hoạt động (KPIs) của các khoa, viện đào tạo | Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh | 31/12/2019<br>(Quyết định số 3605/QĐ-ĐHKT-NS) | Đồng tác giả                   | 05         |

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 01 giải pháp hữu ích.



7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

| T<br>T | Tên giải thưởng | Cơ quan/tổ chức<br>ra quyết định | Số quyết định và<br>ngày, tháng, năm | Số tác giả |
|--------|-----------------|----------------------------------|--------------------------------------|------------|
|        |                 |                                  |                                      |            |
|        |                 |                                  |                                      |            |

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: Không có.

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

| T<br>T | Tên tác phẩm<br>nghệ thuật,<br>thành tích | Cơ quan/tổ<br>chức công<br>nhận | Văn bản công<br>nhận (số,<br>ngày, tháng,<br>năm) | Cấp Quốc<br>gia/Quốc tế | Số tác giả |
|--------|-------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------|------------|
|        |                                           |                                 |                                                   |                         |            |
|        |                                           |                                 |                                                   |                         |            |

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: Không có.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

- Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Thạc sỹ Kinh tế và Quản trị sức khỏe của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1901/QĐ-ĐHKT-QLKH&HTQT ngày 20 tháng 7 năm 2012.

- Tham gia ban rà soát chương trình đào tạo của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1662/QĐ-ĐHKT-TCHC ngày 03 tháng 7 năm 2017.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: ....



Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng  
ThS/CK2/BSNT (UV ☐ chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng  
ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: .....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ...

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác  
giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☒

Đề xuất chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính  
theo quy định: **Dong Mai Tran, Wayne Fallon & Margaret H. Vickers (2017). Leadership  
in the Transition from a Socialist to a Market Economy: Multi-Stakeholder Perceptions of  
Business Leadership in Vietnam. In N. Muenjohn & A. McMurray (Eds). The Palgrave  
Handbook of Leadership in Transforming Asia (pp. 445-459). UK: Palgrave Macmillan.**

(\*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

### C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp  
luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Trần Mai Đông